

Thầy

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH ĐỒNG NAI
CHI NHÁNH BIÊN HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2065 /VPĐK.BH-ĐKTK

Biên Hòa, ngày 16 tháng 5 năm 2022

V/v cung cấp thông tin đất đai, vị trí thửa đất
theo đề nghị tại Văn bản số 447/TTPTQĐ
ngày 17/2/2022.

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TP. BIÊN HÒA

ĐẾN

Số: 4011

Ngày: 19/05/2022

Chuyển:

Kính gửi: Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Biên Hòa

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai - Chi nhánh Biên Hòa (gọi tắt là Chi nhánh Biên Hòa) nhận được Văn bản số 447/TTPTQĐ ngày 17/2/2022 của Trung tâm Phát triển Quỹ đất Tp. Biên Hòa với nội dung đề nghị cung cấp thông tin đất đai, xác định vị trí thửa đất thuộc Dự án Khu dân cư với các dịch vụ thương mại, nhà ở cao cấp và tái định cư tại phường Bửu Long, Tp. Biên Hòa (giai đoạn 3).

Sau khi kiểm tra hồ sơ địa chính tại Cơ quan, Chi nhánh Biên Hòa cung cấp thông tin, như sau:

Số TT	Họ và tên	Tờ	Thửa	Đăng ký, Giấy chứng nhận QSDĐ, loại đất: Đăng ký, được cấp GCN	VT đất ở	VT đất NN
1	Dặng Đình Tranh	20	1	GCN số AD 047720 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/6/2006; LUC		4
2	Hoàng Văn Mô	19	7	GCN số CU 932541 do Văn phòng đăng ký đất đai thừa ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 11/03/2020; LUC		4
3	Bùi Đình Tân	19	8	GCN số BK 531236 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 31/5/2012; LUC		4
4	Bùi Đình Minh	19	9	GCN số BK 531232 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 31/5/2012; LUC		4
5	Bùi Đình Minh	19	10	GCN số BK 531233 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 31/5/2012; LUC		4
6	Bùi Đình Minh	19	11	GCN số BK 531234 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 31/5/2012; LUC		4
7	Dặng Quý Phân	20	11	GCN số AD 047721 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/6/2006, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 10/5/2017; LUC		4
8	Bùi Đình Minh	19	12	GCN số BK 531235 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 31/5/2012; LUC		4

9	Dặng Đình Tiến	20	12	GCN số AD 047722 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/6/2006, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 10/5/2017; LUC		4
10	Đất do UBND phường Bửu Long quản lý	19	13			
11	Dặng Đình Quan	20	13	GCN số AD 047723 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/6/2006, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 10/5/2017; LUC		4
12	Dặng Quý Hưng	20	14	GCN số AQ 063084 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 09/12/2009; ODT + CLN	Vị trí 4, không tiếp giáp hẻm, đường N4 (KDC Bửu Long)	4
13	Lê Minh Hoan	19	15	Đã kê khai đăng ký, chưa cấp GCN		
14	Nguyễn Văn Sơn và Bùi Thị Long	20	15	GCN số T 578940 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 15/11/2004; CLN		4
15	Nguyễn Văn Lợi	20	16	GCN số BC 790412 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 16/8/2010, Văn phòng đăng ký QSDĐ Tp Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 10/2/2011; LUC		4
16	Đất do UBND phường Bửu Long quản lý	20	17			
17	Đất do UBND phường Bửu Long quản lý	20	18			
18	Liêu Văn Phước – Trần Thị Mỹ Ly	20	20	GCN số CH 656652 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 01/7/2017; LUC		4
19	Liêu Văn Phước	20	21	Đã kê khai đăng ký chưa cấp GCN		3
20	Đất do UBND phường Bửu Long quản lý	19	21			
21	Liêu Văn Phước – Trần Thị Mỹ Ly	20	25	Đã kê khai đăng ký chưa cấp GCN		1
22	Trần Văn Lượng – Lê Minh Tân	19	27	GCN số CQ 592912 và CQ 592911 do Văn phòng đăng ký đất đai thừa ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/12/2018; HNK		4
23	Bùi Quang Vũ	19	28	GCN số AD 897380 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 01/6/2006; HNK		3

24	Mai Anh Tuấn	19	29	Đã kê khai đăng ký chưa cấp GCN		3
25	Đặng Đình Thái	20	35	GCN số AD 047724 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/6/2006, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 09/5/2017; LUC		4
26	Nguyễn Thị Bông	13	37	GCN số BH 899001 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 04/12/2012, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 06/2/2013; ODT + CLN	Vị trí 3, hẻm đất, đường Nguyễn Đình Chiểu	3
27	Không có thông tin CSD	13	54		Vị trí 3, hẻm đất, đường Nguyễn Đình Chiểu	3
28	Không có thông tin CSD	13	55		Vị trí 4, không hẻm, đường Nguyễn Đình Chiểu	4
29	Không có thông tin CSD	13	56		Vị trí 4, không hẻm, đường Nguyễn Đình Chiểu	4
30	Không có thông tin CSD	13	57		Vị trí 4, không hẻm, đường Nguyễn Đình Chiểu	4
31	Nguyễn Doãn Biên – Nguyễn Thị Kim Hoa	13	58	GCN số BH 826812 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/11/2011, Văn phòng đăng ký QSDĐ Tp Biên Hòa xác nhận chuyển nhượng ngày 30/7/2012; LUC		4
32	Trần Văn Minh	13	59	GCN số BA 039409 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 12/7/2010; LUK		4
33	Trần Văn Minh	13	60	GCN số BA 039410 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 12/7/2010; LUK		4
34	Trần Văn Minh	13	61	GCN số BA 039411 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 12/7/2010; LUK		4
35	Trần Văn Minh	13	62	GCN số BA 039412 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 12/7/2010; LUK		4
36	Trần Văn Minh	13	63	GCN số BA 039413 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 12/7/2010; LUK		4
37	Trần Văn Minh	13	64	GCN số BA 039414 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 12/7/2010; LUK		4
38	Trần Văn Lượng – Lê	19	76	GCN số CQ 592910 và CQ 592909 do Văn phòng đăng ký đất		3

	Minh Tân			đại thừa ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đồng Nai cấp ngày 28/12/2018; HNK		
39	Bùi Đình Thông	19	78	Đã kê khai đăng ký chưa cấp GCN		4
40	Lê Thị Cho	19	84	GCN số AM 643775 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/6/2008; HNK		4
41	Lê Thị Cho	13	86	GCN số Đ 184357 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUK		3
42	Lê Hiền	19	87	Chưa kê khai đăng ký, chưa cấp GCN		
43	Lê Thị Cho	13	87	GCN số Đ 184357 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUK		4
44	Lê Thị Cho	13	88	GCN số Đ 184357 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUK		4
45	Bùi Đình Minh	19	89	GCN số BH 831969 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 11/5/2012; ODT + CLN	Vị trí 4, hẻm đất, đường Huỳnh Văn Nghệ, đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Ngô Thi Nhậm	4
46	Bùi Đình Tân	19	90	GCN số BH 831968 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 11/5/2012; ODT + CLN	Vị trí 4, hẻm đất, đường Huỳnh Văn Nghệ, đoạn từ đường Nguyễn Bình Khiêm đến đường Ngô Thi Nhậm	4
47	Lê Thị Cho	13	159	GCN số Đ 184357 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUK		4
48	Bùi Thị Lan	13	160	GCN số Đ 184361 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUC		4
49	Trần Văn Minh	13	161	GCN số BA 039415 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 12/7/2010; LUC		4
50	Trương Thị Loan	13	162	GCN số AĐ 047741 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/6/2006, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 07/12/2011; LUC		4
51	Bùi Thị Ánh	13	163	GCN số Đ184359 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUC		4
52	Bùi Đình Khải	13	164	GCN số Đ184358 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUC		4

53	Bùi Thị Ánh	13	165	GCN số Đ184359 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUC	4
54	Bùi Thị Ánh	13	166	GCN số Đ184359 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUC	4
	Bùi Thị Ánh	13	167	GCN số Đ184359 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUC	4
55	Bùi Thị Lan	13	168	GCN số Đ 184361 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUC	4
56	Bùi Đình Thông	13	171	GCN số Đ 184362 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUC	4
57	Bùi Đình Thông	13	172	GCN số Đ 184362 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUC	4
58	Bùi Đình Thông	13	173	GCN số Đ 184362 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUC	4
59	Bùi Đình Khải	13	243	GCN số Đ 184358 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 27/4/2004; LUC	4
60	Trương Thanh Bình	13	244	GCN số AĐ 047742 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/6/2006, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận tặng cho năm 2014; LUC	4
61	Trần Văn Minh	13	263	GCN số BA 039416 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 12/7/2010; CLN	4
62	Hộ bà Nguyễn Thị Côi	13	287	GCN số BH 899857 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 11/2/2012; CLN	3
63	Lê Thị Giả	9	574	GCN số BA 061919 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/12/2009; LUC	4
64	Nguyễn Thành Nam	9	578	GCN số BA 061912 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/4/2010; LUC	4
65	Phạm Tôn Hoàng Yến	9	579	GCN số BD 034073 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/12/2010, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 08/1/2021; HNK	4
66	Phạm Tôn Hoàng Yến	9	582	GCN số BD 034028 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/12/2010, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 22/2/2021; LUC	4

67	Phạm Tôn Hoàng Yến	9	583	GCN số BD 034029 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/12/2010, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 22/2/2021; LUC	4
68	Nguyễn Thành Nam	9	584	GCN số BA 061911 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/4/2010; LUC	4
69	Phạm Tôn Hoàng Yến	9	585	GCN số BD 034030 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/12/2010, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 22/2/2021; LUC	4
70	Phạm Tôn Hoàng Yến	9	586	GCN số BD 034031 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/12/2010, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 22/2/2021; LUC	4
71	Phạm Thanh Sơn (là người đại diện cho nhóm người SDD)	9	587	GCN số BD 034032 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 9/12/2010; LUC	4
72	Nguyễn Thành Nam	9	588	GCN số BA 061910 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/4/2010; LUC	4
73	Nguyễn Thành Nam	9	589	GCN số BA 061909 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/4/2010; LUC	4
74	Nguyễn Thành Nam	9	590	GCN số BA 064511 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/4/2010; LUC	4
75	Nguyễn Thành Nam	9	591	GCN số BA 061907 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/4/2010; LUC	4
76	Nguyễn Thành Nam	9	592	GCN số BA 061915 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/4/2010; LUC	4
77	Nguyễn Thành Nam	9	593	GCN số BA 061913 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/4/2010; LUC	4
78	Nguyễn Thành Nam	9	594	GCN số BA 061914 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/4/2010; LUC	4
79	Nguyễn Thành Nam	9	595	GCN số BA 061916 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/4/2010; LUC	4
80	Nguyễn Thanh Đức – Nguyễn Thị Vân	9	596	GCN số CA 277659 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/5/2015; LUK	4

81	Nguyễn Thanh Đức – Nguyễn Thị Vân	9	597	GCN số CA 277657 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/5/2015; LUK	4
82	Nguyễn Thanh Đức – Nguyễn Thị Vân	9	598	GCN số CA 277660 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 22/5/2015; LUK	4
83	Nguyễn Văn Tám	9	600	Chưa kê khai đăng ký, chưa cấp GCN	
84	Trần Công Lập – Huỳnh Thị Thanh Nga	9	610	GCN số AM 611582 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 26/4/2008, Văn phòng đăng ký QSDĐ Tp Biên Hòa xác nhận chuyển nhượng ngày 02/7/2008; NTS	3
85	Võ Trường Lâm	9	611	GCN số BA 064648 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 28/5/2010, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận chuyển nhượng ngày 29/4/2016; LUK	3
86	Nguyễn Văn Tốt – Lê Thị Giã	9	612	Chưa kê khai đăng ký, chưa cấp GCN (đo bao)	
87	Phạm Tôn Hoàng Yến	9	613	GCN số BD 034033 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/12/2010, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 22/2/2021; LUC	4
88	Phạm Thanh Sơn	9	614	Đã kê khai đăng ký chưa cấp GCN	4
89	Lê Hồng Thạch	9	682	GCN số CO 712496 do Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 26/7/2018; LUC	4
90	Mai Văn Báo	9	683	Đã kê khai đăng ký chưa cấp GCN	4
91	Mai Ngọc Thuận	9	684	GCN số AL 575184 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 30/5/2008; Văn phòng đăng ký QSDĐ Tp Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 13/4/2011; LUC	4
92	Lê Văn Hoan – Nguyễn Thị Đông	9	685	GCN số BH 867652 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 09/5/2012; LUK	4
93	Lê Thanh Tiến – Nguyễn Thị Cẩm Hồng	9	686	GCN số CY 252335 do Văn phòng Đăng ký đất đai thừa ủy quyền Sở Tài nguyên và Môi trường cấp ngày 27/10/2020; LUK	4
94	Lê Thị Tâm	9	687	GCN số BH 867650 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 09/5/2012, Chi nhánh Biên Hòa	4



				xác nhận tặng cho ngày 21/3/2020; LUK	
95	Phạm Thanh Sơn	9	688	GCN số AK 203973 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 02/11/2007; CLN	4
96	Phạm Thanh Sơn	9	689	GCN số BH 899202 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 22/3/2012; CLN	4
97	Trương Thị Cách	9	690	GCN số BA 064645 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 28/5/2010; LUK	4
98	Trương Thị Cách	9	691	GCN số BA 064649 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 28/5/2010; LUK	4
99	Trương Thị Cách	9	692	GCN số BA 064650 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 28/5/2010; LUK	4
100	Trương Thị Cách	9	693	GCN số BA 064651 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 28/5/2010; LUK	4
101	Trương Thị Cách	9	694	GCN số BA 064647 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 28/5/2010; LUK	4
102	Trương Thị Cách	9	695	GCN số BA 064652 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 28/5/2010; LUK	4
103	Lâm Tài Thắng – Trần Lệ Thủy	9	697	GCN số BD 188402 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 13/12/2010; LUK	4
104	Lâm Tài Thắng – Trần Lệ Thủy	9	698	GCN số BD 188403 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 13/12/2010; LUK	4
105	Lâm Tài Thắng – Trần Lệ Thủy	9	699	GCN số BD 188403 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 13/12/2010; LUK	4
106	Trương Thị Cách	9	700	GCN số BA 064669 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 28/5/2010; LUK	4
107	Trương Thị Cách	9	701	GCN số BA 064656 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 28/5/2010; LUK	4
108	Ngô Võ Diễm Chi	9	702	GCN số BD 188405 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 13/12/2010, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận chuyển nhượng ngày 09/7/2018; LUK	4
109	Lâm Tài Thắng – Trần Lệ Thủy	9	704	GCN số BD 188406 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 13/12/2010; LUK	4
110	Lâm Tài Thắng – Trần	9	705	GCN số BD 188407 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày	4

	Lê Thủy			13/12/2010; LUK		
111	Ngô Vô Diễm Chi	9	706	GCN số BD 188408 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 13/12/2010, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận chuyển nhượng ngày 09/7/2018; LUK		4
112	Nguyễn Văn Sơn – Bùi Thị Long	9	707	Đã kê khai đăng ký chưa cấp GCN		4
113	Nguyễn Văn Sơn – Bùi Thị Long	9	708	Đã kê khai đăng ký chưa cấp GCN		4
114	Nguyễn Văn Sơn – Bùi Thị Long	9	709	Đã kê khai đăng ký chưa cấp GCN		4
115	Nguyễn Văn Sơn – Bùi Thị Long	9	710	Đã kê khai đăng ký chưa cấp GCN		4
116	Nguyễn Văn Sơn – Bùi Thị Long	9	711	Đã kê khai đăng ký chưa cấp GCN		4
117	Nguyễn Văn Sơn – Bùi Thị Long	9	712	Đã kê khai đăng ký chưa cấp GCN		4
118	Nguyễn Văn Sơn – Bùi Thị Long	9	713	Đã kê khai đăng ký chưa cấp GCN		4
119	Lê Văn Hoan – Nguyễn Thị Đông	9	714	GCN số BH 867649 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 09/5/2012; LUK		4
120	Phan Thị Hiền Lương	9	715	GCN số BH 867648 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 09/5/2012, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận chuyển nhượng ngày 28/11/2017; LUC		4
121	Lê Thị Ngọc Hương	9	777	GCN số DB 070646 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 15/9/2021, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận chuyển nhượng ngày 09/11/2021; LUC		4
122	Phan Thị Hiền Lương	9	778	GCN số BC 796888 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 19/10/2010, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận chuyển nhượng ngày 28/11/2017; LUK		4
123	Phan Thị Hiền Lương	9	779	GCN số BC 796889 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 19/10/2010, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận chuyển nhượng ngày 28/11/2017; LUK		4
124	Trương Thị Cách	9	780	GCN số BA 064661 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 28/5/2010; LUK		4

ANH ĐỒNG

125	Ao Thị Bót	9	781	GCN số AĐ 047744 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/6/2006; LUC		4
126	Trương Thị Loan	9	783	GCN số AĐ 047743 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 29/6/2006, Văn phòng đăng ký QSDĐ Tp Biên Hòa xác nhận tặng cho ngày 07/12/2011; LUC		4
127	Không có thông tin CSD	9	831			
128	Lê Thị Ngọc Hương	9	839	GCN số DB 070644 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 15/9/2021, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận chuyển nhượng ngày 11/11/2021; CLN		4
129	Lê Văn Hoan	9	938	GCN số AM 605806 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 23/10/2008, NTS		4
130	Trần Lý Minh Hải	9	970	GCN số BA 039408 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 12/7/2010, Chi nhánh Biên Hòa xác nhận chuyển nhượng ngày 08/3/2013; HNK		4
131	Trần Văn Minh	9	984	GCN số BĐ 756566 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 28/3/2011, HNK		4
132	Ngô Văn Hùng – Lê Thị Mộng Linh	9	1004	GCN số BH 882105 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/10/2011, ODT	Vị trí 4, không tiếp giáp hẻm, đường Nguyễn Đình Chiểu	
133	Võ Thị Sang	9	1005	GCN số BH 882104 do UBND thành phố Biên Hòa cấp ngày 08/10/2011, ODT + CLN	Vị trí 4, hẻm đất, đường Nguyễn Đình Chiểu	4

(Việc xác định: **Vị trí** thửa đất thực hiện theo Quy định về giá các loại đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024 (ban hành kèm theo Quyết định ban hành về bảng giá đất tỉnh Đồng Nai 5 năm, giai đoạn 2020-2024 số 49/2019/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai; **Loại đất**: Những trường hợp chưa được cấp GCN Chi nhánh Biên Hòa không cung cấp thông tin loại đất).

Trân trọng kính chào.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.

D:\Thiện\Boithuong-buulong

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Trần Ngọc Hậu